

CHƯƠNG 3

YẾU TỐ BIỂN TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐẢO PHÚ QUÝ, TỈNH BÌNH THUẬN

3.1. Tín ngưỡng và lễ hội liên quan đến biển

Biển là nguồn sống, nhưng biển cũng thật dữ dội, ngư dân trên biển không thể lường trước mọi nguy hiểm rủi ro khi chưa đặt chân lên đất liền. Chỉ một trận bão biển cũng có thể nhấn chìm hàng chục chiếc ghe, hàng trăm sinh mạng. Trước những hiểm nguy như vậy, để có một chỗ dựa tinh thần vững chắc con người đã nhờ vào đáng thần linh phù trợ trong quá trình hành nghề biển.

Sống trong môi trường đầy thiên tai, bất trắc nên người dân đảo Phú Quý luôn cầu mong các đáng thần linh che chở bảo hộ trong đời sống cũng như trong hoạt động sản xuất trên biển. Niềm tin vào các tín ngưỡng tôn giáo thông qua các nghi lễ thể hiện sự cầu mong sự che chở của các vị thần. Khi khoa học kỹ thuật chưa phát triển, đời sống còn giản đơn, việc thờ cúng các vị thần, các thế lực siêu nhiên giúp trấn an tinh thần của con người trước các rủi ro, bất lực. Và sống trong môi trường biển nên các tín ngưỡng tôn giáo và các thực hành tín ngưỡng tôn giáo cũng chịu ảnh hưởng của yếu tố biển sâu sắc.

Theo trường phái Chức năng “Khi ra biển đánh cá, mức độ hiểm nguy tăng nhiều và kết quả cũng bấp bênh hơn thì ngư dân làm nghi lễ và phù phép để trấn an chính họ về mặt tâm lý, mong được an toàn và được mẻ cá to” (Phan Thị Yến Tuyết, 2016, tr.32)²⁶. Chúng ta thấy môi trường càng bất trắc và kết quả càng bấp bênh thì con người lại càng cần đến nghi lễ phù phép. Hay “Trong nghề đánh cá, ma thuật được sử dụng khi

²⁶ Tài liệu gốc: B. Malinowski (1954). *Magic, Science and Religion*.

săn cá mập và các loại cá lớn nguy hiểm khác còn khi bắt cá nhỏ thì ma thuật được coi là thừa” (tr.33). Do đó, biểu tượng ma thuật chỉ xuất hiện khi con người không tin vào sức mạnh của mình, khi nó vấp phải những vấn đề mà việc giải quyết không hẳn phụ thuộc vào bản thân của con người mà chủ yếu phụ thuộc vào vô số nhân tố tham dự. Chính điều đó bắt con người phải đặt hy vọng vào sự giúp đỡ của những lực lượng bí ẩn và phải thực hiện những hành vi ma thuật.

Các cơ sở tín ngưỡng như đình, chùa, đền, vạn... ra đời đã góp phần đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần, đời sống tâm linh của con người Phú Quý. Do chịu tác động của môi trường tự nhiên và nguồn gốc của chủ thể văn hóa, các thiết chế tín ngưỡng tôn giáo đã gắn liền với lịch sử khai lập, mở mang hải đảo từ trước đến nay, lưu giữ những giá trị về lịch sử di dân, khai phá đất đai, xây dựng cuộc sống ở đảo và cũng phần nào phản ánh đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, sinh hoạt văn hóa của cư dân đảo Phú Quý.

3.1.1. Tín ngưỡng thờ Thần Thành Hoàng và Tiên Hiền

Đình: là nhà của cộng đồng, nơi thờ Thần Thành Hoàng (Thành: vị thần của thành lũy, Hoàng: là vị thần của hào lũy, ý chỉ Thần như thành cao, hào sâu, che chở cho dân làng). Thần Thành Hoàng mang biểu tượng của:

- Phúc Thần (Thành Hoàng Bôn Cảnh Chi Thần): là vị thần của làng xã, phù hộ cho dân làng.
- Thay mặt cho nhà vua bảo vệ dân tại địa phương: củng cố vai trò quan trọng của chế độ phong kiến (vua ban sắc thần là sự công nhận chính thức của nhà nước về sự hợp pháp của làng và thần của đình làng).
- Nhiên thần (siêu nhiên).

- Nhân thần: những người sinh thời có công trạng với làng xã, đất nước, khi qua đời được thờ.

- Biểu tượng của Thổ thần địa phương: Bảo an chi thần (Thần địa phương).

Trong đình, ngoài thờ Thần Thành Hoàng người ta còn thờ Tiền Hiền, Hậu Hiền (Phan Thị Yến Tuyết, 2013).

Thần Thành Hoàng là những người đến vùng đảo sinh cơ lập nghiệp như Tiền Hiền, Hậu Hiền, họ là các vị thần phù hộ cho dân lao động biển, giúp ngư dân tôm cá đầy ghe, sóng yên biển lặng, vượt qua mọi nguy hiểm bất trắc...

Người Việt ở Phú Quý quen gọi ngôi đình làng của mình là miếu, ngoài đôi tượng thờ chính là Thần Thành Hoàng Bồn Cảnh thì đình còn thờ phối tự các vị thần khác. Tín ngưỡng thờ Thần Thành Hoàng trong các ngôi đình ở Phú Quý là vị thần bảo hộ có khi là nhân thần²⁷, nhưng phần lớn là nhiên thần²⁸ rất có uy tín đối với dân làng. Sắc phong có mỹ tự Quảng hậu Chánh trực Hựu thiện Đôn ngưng Trung đẳng thần.

Trong quá trình khai hoang, lập ấp, những người dân di cư gặp rất nhiều khó khăn, thử thách trên vùng đất mới. Niềm tin vào Bồn Cảnh Thành Hoàng là tín ngưỡng không thể thiếu đối với người dân đảo Phú Quý và được họ thờ phụng rất tôn kính trong đình. Hầu hết các đình làng đều xây dựng có mặt tiền hướng ra biển²⁹. Ngoài Thần Thành

²⁷ Thần là con người, có lai lịch rõ ràng, có công mở đất, anh hùng dân tộc hay quan chức có công lớn, sau khi chết được vua phong tặng danh hiệu Thành Hoàng.

²⁸ Các thần có liên quan đến thiên nhiên như thần sông, thần núi, thần biển, các vị thần của huyền thoại, tín ngưỡng vật tổ...

²⁹ Người Việt xưa có quan niệm không nhất thiết phải dựng đình trên gò, đồi cao, nhưng phía sau và hai bên đình cần có những chỗ đất cao để làm “tay ngai”, trước mặt đình cần có nước, đó là thế đất “tụ thủy” (tức nước hội tụ), mà “tụ thủy” cũng có nghĩa là “tụ linh”, “tụ phúc”, “tụ lộc”, tức là hội tụ tất cả những điều may mắn.

Hoàng, trong đình còn thờ các bậc Tiên Hiền, Hậu Hiền đã có công đức giúp cư dân khai khẩn đất, lập làng “Tiên Hiền khai khẩn, Hậu Hiền khai cơ”.

Ở Phú Quý hiện nay có 5 ngôi đình làng:

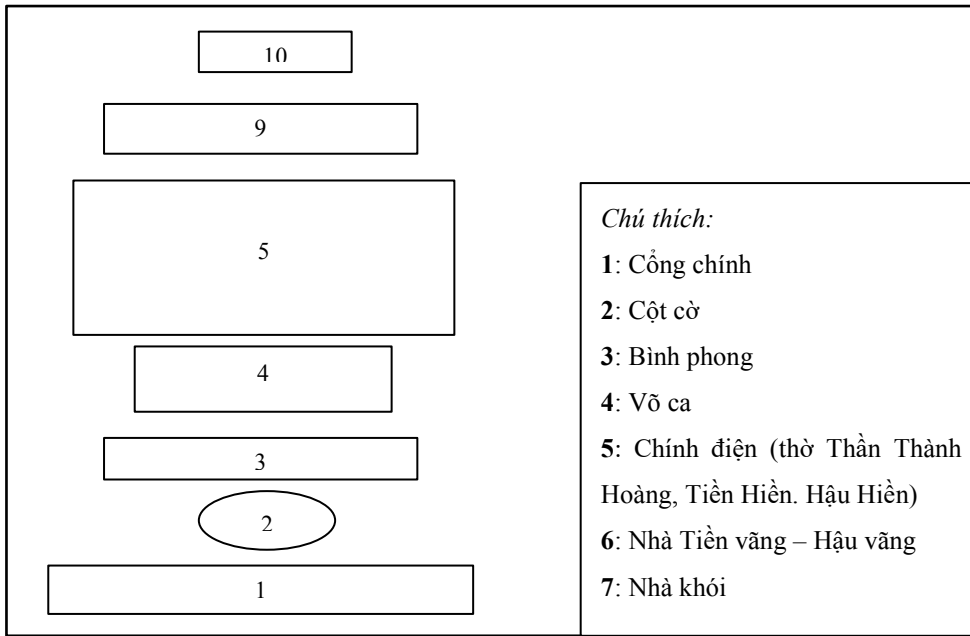
	Đình	Năm xây dựng	Địa điểm
1	Đình Làng Hội An	1812	Xã Tam Thanh
2	Đình Làng Mỹ Khê (Miếu Thần Thành Hoàng làng Mỹ Khê)	1752	Xã Tam Thanh
3	Đình làng Triều Dương	1773	Xã Tam Thanh
4	Đình làng Phú Mỹ (miếu làng Phú)	1813	Xã Ngũ Phụng
5	Đình làng Long Hải (Nhà Vua)	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Long Hải

Bảng 3.1: Bảng thống kê đình làng tại đảo Phú Quý (Đỗ Hồng Phương, 2018)

So với các đình làng trong đất liền thì kiến trúc đình làng ở Phú Quý nhỏ và thấp hơn, có thể do điều kiện thời tiết và khí hậu ở đảo. Gỗ được sử dụng trong kiến trúc cũng ít hơn và sau nhiều lần đình bị xuống cấp đã được người dân trùng tu xây dựng lại bằng các loại bê tông cốt thép (Phụ lục: Hình 32, 33).

Tổng thể kiến trúc đình ở Phú Quý gồm: Cổng chính, Cột cờ, Bình phong, Võ ca, Chính điện được bố trí trên một trục thẳng từ trước ra sau.

Cổng chính kiến tạo theo kiểu cổng tam quan gồm lối đi giữa và hai lối đi hai bên. Phía sau Cổng chính là Cột cờ, Bình phong, tiếp đến là Võ ca, nối tiếp Võ ca về phía sau là Chính điện có kiến tạo bốn mái. Trên nóc Cổng chính, Võ ca, Chính điện trang trí phù điêu lưỡng long tranh châu, mảng đầu hồi đắp nổi chim phượng tung cánh, bông hoa nở rộ và giao long, các góc mái trang trí chim phượng và kỳ lân bằng sứ men xanh. Các họa tiết, phù điêu trang trí trên đình nóc, mái được đắp bằng vôi vữa.



Sơ đồ 3.1. Cấu trúc đình làng ở Phú Quý (Đỗ Hồng Phương, 6/2019)

Nội thất Chính điện lắp ghép theo lối kiến trúc tứ trụ, với bốn cột gỗ chính tạo dáng hình vuông đặt ở giữa vươn lên nâng đỡ đỉnh nóc. Hai vì trính được tạo dáng, gờ chỉ thành sáu cạnh; con đội tạo dáng dạng bình hoa ở dưới to, lên trên thu nhỏ và đặt trên một đế chạm nổi hình búp sen đang nở. Trung tâm nội thất bài trí ba khám, khám giữa bằng gỗ, giữa khám khắc chữ “Thần” và đặt trên một bệ cao thờ Thành Hoàng Bốn Cảnh, hai khám tả hữu hai bên thờ Tiền Hiền, Hậu Hiền. Quanh lọng khám chạm khắc các hình tượng, họa tiết lưỡng long tranh châu, tứ linh, mai, lan, cúc, trúc, hoa lá, nhiều hoành phi, câu đối chạm khắc chữ Hán Nôm với nội dung khá phong phú, ca ngợi sự trù phú của các làng, công đức của thần linh và các bậc tiền nhân. Có nhiều sắc phong của các đời vua triều Nguyễn phong cho Bốn cảnh Thành Hoàng và truyền chỉ các làng phải tôn thờ.

Sau Chính điện là gian thờ Tiền vãng, Hậu vãng, nội thất bài trí một khám thờ Tiền, Hậu vãng ở giữa và đặt trên bệ cao. Quanh lọng khám chạm khắc, trang trí các họa tiết lưỡng giao tranh châu, phụng, hươu, mai, lan, cúc, trúc, hoa lá, dây leo đan xen nhau.

Mỗi một loại hình di tích có một hình thức lễ hội tương xứng, nhưng mục đích, ý nghĩa chung của mỗi lễ hội nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, tôn giáo của con người, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, sự kính trọng và biết ơn của các thế hệ con cháu đi sau đối với các bậc ông cha đi trước và ôn lại truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc từ xưa đến nay. Lễ hội tại các đình làng ở Phú Quý cũng mang đầy đủ những mục đích và ý nghĩa đó.

Ngoài các lễ nhỏ dâng hương đèn, hoa quả, trà nước... lên các khám thờ Thành Hoàng, Tiền Hiền, Hậu Hiền và các vị thần khác được thờ tại đình vào Tết Nguyên Đán, những ngày rằm, ngày đầu tháng âm lịch theo tập tục truyền thống của người Việt. Hằng năm, tại các đình làng còn diễn ra hai kỳ tế lễ chính: tế xuân (vào tháng Giêng hoặc tháng 2 âm lịch), tế thu (vào tháng 7 hoặc tháng 8 âm lịch). Người dân Phú Quý đến nay vẫn còn lưu truyền câu nói “xuân cầu, thu trả”. Tế xuân vào dịp đầu năm, cũng là dịp đầu vụ trước khi vào mùa (ngư nghiệp và có cả nông nghiệp); mục đích để dâng lễ vật, cầu nguyện Thần Thành Hoàng, thần linh, tổ tiên ông bà phù trợ, độ trì cho mọi người trong làng được bình an, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa nông thuận lợi, mùa biển bội thu. Tế thu vào dịp tháng 7, tháng 8 âm lịch, dâng lễ vật để trả ơn cho các vị thần linh và ông bà tổ tiên đã cưu mang, che chở và độ trì cho mọi người một năm làm ăn trúng mùa.

Lễ hội tế xuân và tế thu tại các đình làng ở Phú Quý cơ bản giống nhau gồm nhiều nghi thức và nghi lễ. Trong đó đặc sắc và trang trọng nhất là lễ thỉnh sắc Ông Nam Hải ra biển để làm lễ cung nghinh Ông Nam Hải (cá voi) từ biển khơi về đình chứng giám, hưởng lễ và trợ giúp cho ngư dân được mùa tôm cá. Đây là nét độc đáo chỉ có ở các đình làng tại đảo Phú Quý, các đình làng trong đất liền dù có ở gần biển hiếm khi thấy có nghi

lễ này. Lễ hội đình làng ở Phú Quý là ngày hội chung của người dân ở đảo, đây là dịp để mọi người trở về với cội nguồn, tổ tiên, để gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, thắt chặt tình làng nghĩa xóm và tương thân tương trợ lẫn nhau sau những tháng ngày lao động nặng nhọc, vất vả.

Ông cha ta có quan niệm “Đất có Thổ công, sông có Hà Bá, địa cuộc nào có Thần Thành Hoàng đó”. Vì thế, khi các làng xã đã định hình, cuộc sống trên vùng đất mới đã ổn định; các cộng đồng dân cư trong làng cùng nhau góp công của, tài lực, bắt tay dựng đình để có nơi thờ Thần Thành Hoàng bốn thổ, các bậc Tiên Hiền, Hậu Hiền có công bảo trợ, chở che cho dân làng và quy tập nhân dân khai mở đất đai, khẩn hoang, lập làng, chống lại các ác thần gây tai họa, bảo trợ giúp nhân dân trong làng có cuộc sống no ấm, yên vui và hạnh phúc. Đó là nét thuần phong mỹ tục, là truyền thống lâu đời mang đậm tính nhân văn của người Việt Nam, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của những người đi sau đối với các bậc tiền nhân.

3.1.2. Tín ngưỡng thờ cá Ông và lễ hội Cầu Ngư

Khi phương tiện đánh bắt còn thô sơ, các loại ghe thuyền giản đơn, hiểu biết của con người còn hạn chế. Khi gặp giông tố, mưa bão, ngư dân thấy cá voi thường cập vào mạn thuyền chấn sóng và cùng di chuyển vào gần bờ. Nhờ vậy, cá voi giúp ngư dân tránh được sóng to gió lớn, ghe tàu không bị đắm ngoài khơi. Ngoài ra, khi cá voi bơi săn mồi, vô tình “lừa” những đàn cá vào lưới của ngư dân nên họ đã mặc định rằng khi đi biển chỉ cần cá voi xuất hiện nơi nào thì nơi đó sẽ có rất nhiều cá. Từ đó, ngư dân tin cá voi giúp họ

thoát nạn trên biển và tôn thờ như một vị thần với những tên gọi tôn kính là Ông Nam Hải, Ông Lớn, Ông Lộng, Ông Bà³⁰... Đó là vị thần phù hộ trên biển của ngư dân.

Theo văn hóa Chăm, cá voi là do vị thần Cha-Aih-Va hóa thân thành cũng chính là thần sóng biển Pô-Ri-Ak. Còn theo truyền thuyết Phật giáo thì cá voi là hóa thân từ chiếc áo cà sa của Phật Bà Quan Âm và được ban phép “thâu đường”³¹ để cứu giúp ngư dân gặp nạn trên biển. Vì vậy người dân phải hết sức tôn kính.

Đời sống của ngư dân trên biển luôn gặp nhiều rủi ro bất trắc, đầy hiểm nguy khiến con người cảm thấy bất an. Nhằm củng cố niềm tin và trấn an tinh thần, ngư dân đã dựa vào cá Ông để giúp họ thoát khỏi hiểm nguy khi gặp bão to gió lớn và có được mùa cá bội thu. Tục thờ Cá Ông có từ lâu đời và là tín ngưỡng nghề nghiệp rất quan trọng đối với người Việt ở đảo Phú Quý. Tuy là đảo nhỏ nhưng Phú Quý có tới 10 vạn trong số 26 ngôi vạn ở tỉnh Bình Thuận.

	Vạn	Năm xây dựng	Địa điểm
1	Vạn An Thạnh	1781	Xã Tam Thanh
2	Vạn Mỹ Khê	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Tam Thanh
3	Vạn Triều Dương	1752	Xã Tam Thanh
4	Vạn Hội An	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Tam Thanh
5	Vạn An Hòa	1796	Xã Ngũ Phụng
6	Vạn Thương Hải	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Ngũ Phụng
7	Vạn Quý Thạnh	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Ngũ Phụng
8	Vạn Hải Châu	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Ngũ Phụng
9	Vạn Phú Thạnh	Đầu thế kỷ XIX	Xã Long Hải

³⁰ Chỉ cá voi đực và cá voi cái.

³¹ Rút ngắn khoảng cách con đường lại.

10	Vạn Liên Thành	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Long Hải
----	----------------	-------------------	-------------

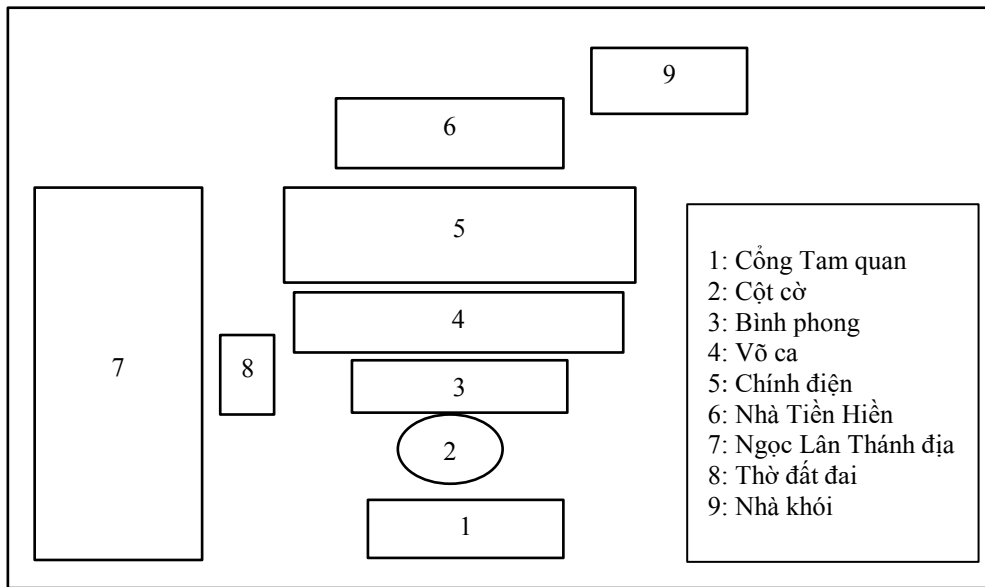
Bảng 3.2: Bảng thống kê vạn thờ Cá Ông ở Phú Quý (*Đỗ Hồng Phương, 2019*)

Lăng vạn là một tổ chức xã hội nghề nghiệp của ngư dân có từ xa xưa, là làng của những người thuyền chài ở trên mặt sông, mặt biển và đóng vai trò quan trọng trong đời sống của ngư dân. Lăng vạn có chức năng tự quản, đứng đầu là những người cao tuổi và có uy tín, hiểu biết sâu rộng về xã hội, nghề nghiệp trong từng điểm cư dân, thay mặt mọi người điều hành về phong tục tập quán, cúng bái, lễ hội và đùm bọc nhau làm ăn trên sông, biển. Lăng vạn còn là nơi thờ cúng thần Nam Hải, nơi thực hiện các lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng ngư nghiệp truyền thống đối với cá Voi của ngư dân như: Lễ an táng, Lễ Thượng ngọc cốt, lễ nhập cốt vào tâm thờ, lễ Cầu Ngư... hằng năm.

Các di tích ở Phú Quý có quy mô thấp, nhỏ do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, quanh năm phải đối mặt với sóng to gió lớn, vị trí địa lý xa xôi cách trở đất liền việc chuyên chở vật liệu khó khăn không thể đáp ứng yêu cầu xây dựng cao to. Hầu hết các lăng vạn đều được xây dựng trên những khu đất rộng rãi ở gần bãi biển, bốn bề xung quanh có tường xây bao bọc trang nghiêm, các bức tường này được xây gạch táp lô trộn với đá san hô. Riêng vạn Quý Thạnh, vạn Thương Hải và vạn Liên Thành dùng loại đá gành và đá san hô xếp chồng lên nhau khá dày làm tường thành bao bọc mặt trước của vạn (Phụ lục: Hình 35).

Hướng chính của vạn thường quay mặt thẳng về phía biển. Cổng chính xây phòng theo kiểu Tam quan như ở các đình làng, có 3 lối đi, lối giữa rộng vào cao, hai lối đi hai bên hẹp và thấp hơn. Trên đỉnh nóc cổng thường trang trí các phù điêu lưỡng long tranh

châu, các góc mái điểm xuyên các phù điêu cá hóa long, cá heo, các hoạt động đánh bắt của ngư dân...



Sơ đồ 3.2: Cấu trúc lăng vạ ở Phú Quý (Đỗ Hồng Phương, 2019)

Sau Cổng là Cột cờ, Bình phong, tiếp đến là Võ ca, Võ ca gồm nhiều trụ gỗ được trang trí hoành phi, câu đối có nội dung gắn liền với tập tục và tín ngưỡng ngư nghiệp của vạ. Trong khuôn viên của lăng vạ thường bố trí một khu vực khá rộng để mai táng xác cá Ông gọi là Ngọc lân Thánh địa (thường đặt bên tả hoặc bên hữu nhà Võ ca). Phía trước khu mai táng xác cá Ông có xây một tiểu am nhỏ gọi là Công quán hoặc Quán mộ tòa, bên trong có một khám thờ thần Nam Hải, đây là nơi để cúng tế các Ông ở khu nghĩa địa. Một số vạ, phía bên phải Võ ca có am thờ Thần Nông và chúa Ngung được đặt ở ngoài.

Chính điện được lắp ghép theo kiểu tứ trụ, nóc gồm 4 mái xuôi về 4 hướng, bên trên trang trí cá hóa long, kỳ lân, hình tượng biển cả và tôm cá vây vùng giữa biển khơi. Bên trong Chính điện, khám thờ thần Nam Hải đặt ở vị trí trung tâm chạm nổi chữ “Thần”. Phía sau bàn thờ Thần Nam Hải là nơi cất giữ hài cốt cá Voi. Tất cả các vạ đều thờ Thần

Nam Hải ở giữa, còn hai bên tả hữu thì mỗi vạn có cách bố trí khác nhau như thờ Tiền Hiền, Hậu Hiền, Tiên Sư, Tả Ban, Hữu Ban, Thủy Long Thánh Mẫu...

Các lăng vạn thờ cá Ông ở đảo Phú Quý được xây có bộ khung lắp ghép bằng gỗ, tường xây gạch và vôi vữa, nền lát gạch Bát Tràng, mái lợp ngói âm dương. Do có chức năng bảo quản và thờ phụng xương cốt cá Ông nên trong các lăng vạn thường xây các tấm lớn phía sau nối tiếp với các khám thờ trong Chính điện để làm nơi cất giữ ngọc cốt Ông.

Vạn An Thạnh có nhà trưng bày bộ hài cốt cá Ông dài 17m bị nạn dạt vào đảo năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) và đến nay vẫn được bảo quản rất tốt. Mọi người gọi đây là Ông Cỏ. Lễ giỗ vị Cỏ diễn ra vào ngày 16 tháng 10 âm lịch, đây cũng là dịp tế thu của vạn (Phụ lục: Hình 38).

Vạn Thương Hải và vạn Tân Lập có hai di tích được xây dựng cạnh nhau trong cùng một khuôn viên với hai ngôi chính điện có hai chức năng tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau: một bên là miếu thờ Bà Chúa Ngọc Thiên Y Ana Diễn Ngọc Phi (tức vị nữ thần Pô Inur Nagar mà người Chăm tôn vinh là Bà Mẹ Xứ Sở), một bên là vạn thờ thần Nam Hải.

Tại một số vạn, bên trong chính điện có trưng bày hình những chiếc thuyền buồm với ý nghĩa để tưởng nhớ về nghề biển, hay tại vạn Quý Thạnh, bên trong có một bàn thờ được chế tác theo hình con thuyền gọi là “Chiếc hải” dùng để đặt lễ vật dâng cúng vào các dịp cúng vạn, lễ hội Cầu Ngư (Phụ lục: Hình 39).

Tại vạn Tân Lập, làng Hải Châu, còn có bộ tượng Quan Thánh Đế Quân, Châu Xương, Quan Bình phối thờ chung với Ông Nam Hải (Phụ lục: Hình 40). Theo nhận định của chúng tôi, khi ngư dân vừa đến đảo, thiên nhiên còn hoang dã, việc đi biển gặp nhiều khó khăn, nhiều dịch bệnh xảy ra. Biểu tượng Quan Công với Thanh Long đao được

người dân thờ mang tính thiêng, nhằm trừ tà khí, dịch bệnh, trấn an tâm lý. Đối với người Hoa và người Việt, Quan Công được coi là người “vạn cổ nhất nhân” (xưa nay chỉ có một), ông tượng trưng cho những đức tính, đạo đức của người quân tử theo quan niệm đương thời. Đó là sự công minh chính trực, dũng cảm, thủy chung, cao thượng, nhân nghĩa, trọng danh dự và chữ tín. Nhưng tại sao chỉ có duy nhất tại vạn Tân Lập thì đó còn là một vấn đề cần được tìm hiểu sâu hơn.

Những năm qua, đã có rất nhiều trường hợp ngư dân Phú Quý đang đánh bắt xa bờ phải ngưng chuyến làm ăn để đưa xác Ông tận vùng biển Trường Sa về đảo an táng, có khi phải mất hơn 3 ngày 3 đêm mới đưa được Ông về tới đảo. Theo tập tục của ngư dân, người phát hiện Ông lụy³² đầu tiên phải chịu những nghi thức tang chế như “con trưởng” của Ông, người này ở làng nào thì xác Ông được đưa về lăng vạn của làng đó cấp táng. Ở đảo Phú Quý, ngư dân di chuyển nguyên cả xác Ông về lăng vạn để an táng.

Ngư dân dùng vải đỏ để liệm Ông (quấn vải quanh xác), sau đó chọn ngày giờ tốt để chôn cất. Trong nghi thức mai táng có diễn xướng nhiều bài dân ca nghi lễ, múa tứ linh và chèo bả trạo ca ngợi công ơn, sức mạnh, sự linh ứng của Ông và bày tỏ niềm thương xót trước khi đưa Ông về cõi vĩnh hằng.

Người “con trưởng” phải chịu tang Ông bằng khăn trắng, trưởng vạn chịu tang bằng khăn đỏ. Theo tập tục của ngư dân Phú Quý, “con trưởng” và trưởng vạn phải chịu tang 2 hay 3 năm tùy theo Ông nhỏ hay lớn. Sau khi an táng xong thì thực hiện các nghi lễ cúng Ông tại lăng vạn sau 3 ngày, 7 ngày, 49 ngày, 100 ngày và giáp năm như đối với người

³² Người dân Phú Quý còn gọi cá Ông chết là “hóa”.

quá cố. Đây là cách ứng xử thể hiện tính nhân văn và cũng là tình cảm rất đặc biệt, lòng biết ơn mà con người dành cho cá voi.

Sau khi mãn tang Ông, ngư dân thực hiện nghi lễ Thượng ngọc cốt Ông khá long trọng. Trước khi quật cốt Ông lên, trưởng vạ phải dâng hương đèn, hoa quả, trà rượu tại mộ, khẩn niệm xin phép Ông. Ngọc cốt Ông khi quật lên được rửa sạch bằng nước, lau chùi và phơi khô, sau đó rửa lại một lần nữa bằng rượu mạnh rồi làm lễ nhập vô lăng tẩm để phụng thờ. Theo kinh nghiệm thực tế của ngư dân Phú Quý, năm nào có Ông vào bờ là 3 năm liên tục sau đó ngư dân sẽ được mùa biển, Ông càng lớn thì trúng mùa càng to. Đặc biệt là hứng rượu rửa ngọc cốt Ông đem rắc lên lưới và các ngư cụ trên tàu thuyền sẽ đánh bắt được nhiều mẻ cá lớn. Ngọc cốt được đưa đến lăng vạ, ban lâm tế dâng hương đèn, hoa quả, thịt, xôi... làm lễ tế an vị ngọc cốt trong lăng.

❖ *Lễ hội Cầu Ngư*

Cầu Ngư là một lễ thức quan trọng ảnh hưởng và tác động đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đối với ngư dân làm nghề biển ở Phú Quý.

Lễ hội Cầu Ngư được tổ chức vào các ngày khác nhau tại mỗi vạ, thu hút ngư dân trên toàn đảo tham dự. Mọi nghi thức cúng tế trong lễ hội Cầu Ngư do ban lâm tế của vạ thực hiện gồm có: thầy cúng, chánh bái, bồi bái, Đông hiến, Tây hiến, xướng lễ, lễ sanh. Đây là những người am hiểu phong tục, lễ nghi, có uy tín, đạo đức được nhân dân bầu chọn ra.

Trong lễ hội Cầu Ngư ở các lăng vạ, nếu như lễ Nghệ Sắc trong các lễ hội thường tổ chức vào lúc sáng sớm thì trong lễ hội Cầu Ngư ở Phú Quý lại tổ chức vào đêm hôm trước ngày chính lễ. Lễ Rước Sắc được diễn ra vào sáng hôm sau, ban lâm tế tổ chức đoàn lễ xuống bờ biển làm nghi thức thỉnh rước Ông Nam Hải về vạ hưởng lễ. Đây là nghi

thức được thực hiện hết sức chu đáo, long trọng và quy mô nhất trong lễ hội Cầu Ngư. Đoàn lễ đi nghinh rước Ông Nam Hải có các loại cờ lễ (đại, trung, tiểu), long, tàn, hương án, chiêng, trống, đội nhạc lễ, bát bửu, đội chèo bả trạo, múa tứ linh... mang đậm sắc thái văn hóa dân gian của cư dân vùng biển đảo.

Lễ Nghinh Thần được thực hiện hai lượt vào buổi tối trước ngày chính lễ tại vịnh và sáng ngày chính lễ trên biển (Phụ lục: Hình 37). Đây là lễ thỉnh Ông Sanh, thường có thuyền ra biển rước về nhưng hiện nay chỉ một vài vịnh giữ được tục lệ này, còn đa phần các vịnh chỉ đứng tại bờ biển để nghinh thần.

Về phần hội thì sau khi các nghi lễ tế thần kết thúc, ban tổ chức cùng với tất cả mọi người đi dự lễ cùng nhau quây quần ăn uống chúc mừng lễ hội thành công, chúc sức khỏe và mùa màng bội thu. Trong phần hội, trước đây vịnh thường có tổ chức các loại hình nghệ thuật như hát bội, hát sắc bùa, múa tứ linh, chèo bả trạo... và thi bơi, lắc thúng, đua thuyền, đây truyền thống rất có ý nghĩa và gắn chặt với môi trường làm ăn sinh sống, cũng như tín ngưỡng tâm linh của người dân tại đảo. Hiện nay, trò chơi đua thuyền và lắc thúng dần dần bị mai một và không còn xuất hiện trong các lễ hội tại các làng vịnh ở Phú Quý.

Ngoài ra, bên đảo Hòn Tranh còn có một lăng thờ thần Nam Hải, bên trong lưu giữ 72 bộ xương cá Ông trôi dạt vào đảo Hòn Tranh từ trước đến nay (Phụ lục: Hình 42, 43). Theo tương truyền của người dân tại đảo, năm đó không biết vì lý do gì mà cùng một lúc có 72 Ông lụy trôi dạt lên đảo Hòn Tranh. Người dân địa phương đã làm lễ an táng, sau đó xây lăng tẩm và thỉnh ngọc cốt của 72 vị nói trên đưa vào thờ phụng. Còn có một ngôi mộ tập thể với hàng trăm bộ xương cốt được chôn cất ở đây.

Đời sống của ngư dân gắn liền với biển thường hay gặp rủi ro hoạn nạn nên từ lâu đã hình thành những nghi lễ, phong tục, tín ngưỡng khá phức tạp, trong đó tiêu biểu nhất là tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân biển đảo với các thần tích, vật tích và lễ hội. Nơi thờ Ngọc cốt, các đám tang, đám rước và lễ hội hằng năm gọi là lễ Nghinh Ông cùng với các tập tục và kiêng kỵ về tín ngưỡng này. Lễ hội Cầu Ngư cũng là lễ hội thờ cúng cá Ông. Những truyền thuyết về cá Ông đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác, được in sâu trong tâm thức người dân vùng biển. Đối với ngư dân, cá Ông có sức mạnh phi thường và linh hiển, có khả năng đáp ứng ý nguyện cũng như cứu cứu giúp họ kịp thời. Ngư dân luôn tôn trọng và tỏ lòng biết ơn đối với cá Ông vì đã giúp đỡ họ lúc mưa to gió lớn khi đi biển. Lễ hội Cầu Ngư của cư dân đảo Phú Quý được diễn ra với ý nghĩa là một lễ hội nghề nghiệp của cư dân lao động biển.

Dân biển ở đây ai cũng tin cá voi, người ta gọi là cá Ông đó! Mà cá voi là loài tai thính, khi mình ở trên ghe mà gặp tai nạn thì mình gọi tới, mấy Ông thường tập trung một hai vị đến giúp ghe mình. Có lần thùng ghe, gãy chân vịt, một vị ập lưng vào chỗ thùng đẩy ghe mình chạy từ xa về tới bờ luôn. Ngư dân ở đây đều tin vào cá Ông nhưng một số nơi khác người ta không tin, thường săn bắt về ăn hay lấy dầu cá, còn mình dân biển nên tin lắm, không bao giờ dám đánh bắt đâu.

(Trích BBPV số 19, bác NPA, 71 tuổi, 2019)

10 ngôi làng vụn phân bố trên một địa bàn hơn 17km² là một mật độ quá dày đặc. Điều đó cho ta thấy tín ngưỡng tôn thờ Ông Nam Hải được người dân Phú Quý hết sức chú trọng và đề cao. Bởi vì, đối với một cộng đồng dân cư sống giữa một môi trường biệt lập, bốn bề là đại dương bao la, quanh năm phải đối mặt với phong ba bão táp. Mặt khác, đánh bắt hải sản cũng là nghề nghiệp chính yếu của nhiều thế hệ người dân ở đảo từ trước

đến nay, do đó việc tôn sùng và thờ phụng cá Voi trở thành nhu cầu chính đáng và số lượng lăng vạn thờ cá Ông tại đảo nhiều như thế cũng là điều dễ hiểu.

Ngư dân xem cá Voi là vị thần hộ mạng giữa biển khơi đầy sóng gió. Việc cúng Ông chu đáo là một cách đền ơn đáp nghĩa theo luật nhân quả của nhà Phật. Ngư dân Phú Quý có một niềm tin tưởng mãnh liệt vào sự linh hiển của cá Voi và coi đây là vị thần cứu trợ luôn ở bên cạnh họ trong những chuyến biển đầy hiểm nguy. Vượt qua những mối hiểm nguy tưởng chừng như không thể nào thoát nạn được bởi những điều vô cùng thiêng liêng và kỳ diệu, con người cảm thấy mình mang nhiều tình sâu nghĩa nặng đối với cá voi, và từ đó nảy sinh vấn đề tâm linh, sùng bái cá Ông, đây cũng là một cách trả ơn mang đậm tính nhân văn của con người với cá voi. Vì vậy, ngư dân đã gắn bó với các ngôi lăng vạn của mình như máu với thịt, và nó trở thành chỗ dựa tinh thần không thể thiếu trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của những ngư phủ mà cuộc đời của họ luôn đối mặt với biết bao hiểm nguy luôn rình rập trên biển cả.

Với ngư dân Phú Quý, nghề biển là nghề chính nên tín ngưỡng này càng đậm nét. Việc dựa vào đặc tính sinh học của cá Voi trong việc đi biển thể hiện mối quan hệ tương hỗ giữa con người với sinh vật tự nhiên. Đồng thời, khi khoa học chưa phát triển, tâm lý con người dựa vào các đấng siêu nhiên để bảo hộ cho cuộc sống của mình thể hiện chức năng tâm lý trong hoạt động nghề nghiệp vùng biển. Chúng tôi nhận thấy, sự kết hợp chức năng vận dụng môi trường sinh thái và chức năng trấn an tâm lý thông qua tín ngưỡng thờ cúng cá Voi của ngư dân mang yếu tố biển đặc sắc.

3.1.3. Tín ngưỡng thờ thầy Sài Nại

Thầy Sài Nại được cư dân trên toàn đảo xem như vị thần phù hộ của mình. Theo truyền thuyết, Thầy Sài Nại là một thương gia người Hoa hiểu biết về địa lý và các loại thuốc để chữa bệnh, sống ở thế kỷ XVI, thường qua lại buôn bán với ở Việt Nam. Trong một lần sang buôn bán, thuyền của Thầy bị bão tố đẩy lên đảo Phú Quý, ông ở lại đảo với một số người Hoa đi chung trên thuyền buôn. Trong khi ở lại đảo, ông giúp đỡ người dân, bốc thuốc chữa bệnh cứu người nên nhân dân vô cùng tôn kính. Khi mất, theo di nguyện lúc sinh thời, ông được chôn cất sát bờ biển.

Mộ Thầy Sài Nại tọa lạc trên mỏm đá nhô ra biển gọi là Doi Thầy ở phía Đông Bắc đảo thuộc xã Long Hải. Khi đến đảo, thấy ánh nắng từ núi Cao Cát chiếu vào Doi Thầy, Ông cho đó là huyệt tốt và yêu cầu con cháu tông táng mình vào huyệt hàm rồng ở đây sau khi qua đời. Mộ Thầy Sài Nại trùng tu gần đây nhất vào năm 2002.

Kiến trúc Mộ Thầy gồm phần mộ và Am thờ Thầy Sài Nại, bên cạnh đó còn có nhà khách và nhà khói. Hướng chính của Am thờ nhìn về phía Tây. Từ ngoài vào, mộ Thầy được xây bên tả bằng nhiều lớp đá san hô chồng lên nhau tạo dáng hình trụ tròn có đường kính 2,2m x cao 90cm và thành mộ dày 55cm (Phụ lục: Hình 46). Phía sau mộ là Am thờ Thầy có kiến tạo hai nóc trước và sau. Trên đỉnh nóc trang trí phù điêu rồng, cá hóa rồng, rùa, giao long. Kiến trúc lắp ghép theo lối tứ trụ, với bốn cột chính ở trung tâm. Nội thất bố trí ba khám thờ: khám giữa thờ Thầy Sài Nại, lọng khám xung quanh chạm khắc các hình tượng như lưỡng long tranh châu, lân, hoa lá và câu đối. Hai khám hai bên kiến tạo tiết mai, lan, cúc, trúc, hoa lá và dây leo. Phía trước ba khám thờ trang trí 3 bức bao lam gỗ

đắp nổi các họa tiết như dơi, chim thú, hoa lá và dây leo. Phía trước đặt ba hương án và bên trên chạm nổi mặt hồ phù, chim phượng và hoa lá.

Hằng năm, tại mộ Thầy Sài Nại thực hiện hai kỳ tế lễ chính vào tháng Giêng và tháng 7 âm lịch. Các nghi thức tế lễ, lễ vật dâng cúng cũng tương tự như các đền, lăng vạn, đình khác ở đảo theo tập tục truyền thống. Đến kỳ tế lễ tại mộ, người dân đảo tề tựu về đây rất đông để khấn bái Thầy, cầu mong được ban phước lành, làm ăn phát đạt và đời sống no đủ, bảo trợ cho người dân tại đảo, đặc biệt là cho những thuyền buôn, những người thường xuyên làm ăn buôn bán ở xa.

Vì để tiện cho việc thờ cúng, không phải đi xa nên người Việt ở đảo đã xây dựng Đền thờ Thầy Sài Nại vào thế kỷ XVI tại Ngũ Phụng, trên ngọn đồi cao phía Đông Bắc làng An Hòa (Phụ lục: Hình 47). Thầy là vị thần rất linh hiển, trong nhân dân còn nhắc nhở nhau rằng khi gặp khó khăn chỉ cần niệm mỹ tự của Thầy cùng lời khấn xin Thầy phù hộ: Thầy Sài Nại Thông linh Chiêu ứng Mặc chất Đoan túc gia tặng Dực bảo Trung hưng Tiết kinh Quang ý Trung đẳng thần phù hộ... thì sẽ được đầu xuôi đuôi lọt. Theo ngư dân, nhiều lần ghe thuyền mắc vào các rạn đá ngầm, các thuyền lớn vẫn không kéo ra được, gia đình liền mang lễ vật tới mộ Thầy, cúng vái, cầu xin thì ghe thuyền liền được kéo ra khỏi rạn đá an toàn.

Ngày trước, có chiếc tàu 18 thuyền viên, mà để thẳng nhỏ lái, rồi bị mắc vào rạn đá ngầm tuốt ở Trường Sa, không sao thoát ra, kêu mấy tàu lớn kéo ra nhưng vẫn không được. Họ báo tin về nhà, bà vợ biết được, mang bánh trái đến đây khấn xin Thầy thì ở ngoài đó bỗng có một cơn sóng lớn đánh vào, kéo con tàu xuống nước trở lại. Trùng hợp nhiều cái như vậy nên người ở đây tin lắm.

(Trích BBPV số 12, TTP, 64 tuổi, 2019)

Quần thể kiến trúc đền thờ Thầy Sài Nại gồm có các hạng mục như: Cổng chính, Cột cờ, Bình phong, Võ ca, Chính điện. Hướng chính của đền nhìn về phía Tây Nam. Cổng chính, Võ ca, Chính điện cơ bản kiến trúc gần giống các đình, vạn như: cổng tam quan, nhà vuông có 4 mái, trên đỉnh nóc trang trí các phù điêu long, phượng, hoa lá...

Nội thất Chính điện bài trí 3 khám thờ: khám giữa thờ Thầy Sài Nại lắp ghép bằng gỗ được sơn thếp rực rỡ, giữa khám đắp chữ “Thần”, khám tả thờ Tiên Hiền và khám hữu thờ Hậu Hiền lắp ghép giống nhau. Lọng khám được chạm khắc các họa tiết lưỡng long tranh châu, chim thú, mai, lan, cúc, trúc, hoa lá dây và các câu đối chữ Hán Nôm.

Các vua triều Nguyễn đã ban 8 sắc phong cho Thầy Sài Nại, được nhân dân 9 làng của 3 xã ở huyện Phú Quý luân phiên nhau gìn giữ. Hằng năm, đến ngày vía Thầy Sài Nại vào mùng 4 tháng 4 âm lịch, người dân khắp các làng tại đảo tổ chức đoàn lễ thỉnh rước sắc Thầy Sài Nại từ nơi giữ sắc đến đền thờ để cúng tế³³. Lễ hội được thực hiện với nhiều nghi thức long trọng nối tiếp nhau theo tập tục lâu đời của người dân ở đảo.

3.1.4. Tín ngưỡng thờ Công chúa Bàn Tranh

Công chúa Bàn Tranh là người Chăm, do phạm tội đã bị vua cha đày ra đảo. Công chúa là người đã mang những giống lương thực hoa màu tới đảo, dạy nhân dân cách trồng trọt và làm nghề... Do công lao to lớn cũng như sự linh thiêng của Bà trong việc phù hộ cho dân đảo, nên Bà được nhân dân xem như Bà Chúa Xứ của đảo. Ban đầu, Bà cùng đoàn tùy tùng sinh sống ở đảo, hình thành dần làng mạc với hàng chục ngôi nhà nhỏ. Sau này, khi người Chăm không còn sinh sống ở đảo, người Việt đã tiếp nhận và dần trở thành tín ngưỡng quan trọng của người Việt ở đảo cho đến nay. Người dân đảo Phú Quý còn

³³ Xem phụ lục Lễ hội Kỳ Công Chúa Bàn Tranh – Thầy Sài Nại, tr.PL7.

giữ và lưu truyền rộng rãi nhiều truyền thuyết nói đến sự linh hiển của Công chúa Bàn Tranh.

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, sau khi Công chúa Bàn Tranh mất, người Chăm đã xây mộ và lập đền thờ Bà tại xã Long Hải (Phụ lục: Hình 48). Những thửa ruộng trồng hoa màu của người dân bao quanh đền thờ được gọi là ruộng Bà Chúa, những giếng cổ xung quanh đền thờ được người dân đảo gọi là giếng Bà Chúa.

Kiến trúc của đền thờ hiện nay không còn nguyên gốc như xưa, vì đền bị hư hỏng và được tu bổ, tôn tạo nhiều lần. Khuôn viên đền từ ngoài vào gồm Cổng chính, Cột cờ, Bình Phong, Chính điện. Cổng chính theo kiểu cổng Tam quan, trên nóc có trang trí phù điêu long, phượng, hoa lá... Chính điện được kiến tạo theo kiểu nhà vuông, mái lợp ngói, trên nóc trang trí lưỡng phụng châu nhật.

Nội thất bài trí 3 khám thờ, khám giữa có chữ “Thần” thờ Công chúa Bàn Tranh, trên bàn thờ đặt 3 bìa Kut đá Chăm, hai khám hai bên thờ Tiên Hiền, Hậu Hiền. Các cột gỗ bên trong chính điện có được khắc hoành phi câu đối ca ngợi công đức của Công chúa Bàn Tranh, Tiên Hiền, Hậu Hiền (Phụ lục: Hình 49).

Trong đền còn giữ 8 sắc phong các vua triều Nguyễn ban tặng, các hiện vật như trống, chiêng đồng, đỉnh đồng. Công chúa Bàn Tranh đã được sắc phong mỹ tự Hiền dũng Chương uy Hùng nghị Đoan túc Dực bảo Trung hưng Quang ý Bàn Tranh vương với tước Thượng đẳng thần.

Trong số các di tích lịch sử – văn hóa tại đảo chỉ có đền thờ công chúa Bàn Tranh và đền thờ Thầy Sài Nại là đền thờ chung cho các làng xưa và nay thuộc 3 xã: Tam Thanh, Ngũ Phụng, Long Hải. Những di tích còn lại được thờ riêng cho từng làng, từng xã.

Hằng năm, đền thờ Công chúa Bàn Tranh diễn ra lễ hội vào mùng 3 tháng Giêng âm lịch, cùng với lễ rước sắc giữa đền thờ Bà và Thầy Sài Nại³⁴.

3.1.5. Tín ngưỡng thờ Trần Bắc

Tính đa dạng trong tín ngưỡng thờ thần ở Phú Quý còn được thể hiện qua đền thờ Trần Bắc ở Hòn Tranh (Phụ lục: Hình 50). Nhưng Trần Bắc là tước hiệu của ai, ở thời kỳ nào (?) thì đến nay vẫn chưa có tài liệu nào đề cập đến một cách rõ ràng và là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm để làm rõ.

Theo nhiều giả thuyết thì Trần Bắc có thể là Trần quốc công Bùi Tá Hán (1496 – 1568). Tại đền còn lưu giữ sắc phong của các vua triều Nguyễn phong tặng và bức linh vị thờ Ông có khắc dòng chữ Hán Nôm: “Cung thỉnh Trần Bắc quân Đô đốc phủ chương phủ sự thái bảo Bùi Quận Công Thượng đẳng thần”.

Đền thờ Trần Bắc được tạo dựng vào đầu thế kỷ XIX và nhân dân đảo Phú Quý thường gọi là miếu Trần Bắc. Đền tọa lạc ở đảo Hòn Tranh cách đảo lớn Phú Quý khoảng 1,5 hải lý về hướng Tây Nam. Do đó, người dân đến đền thờ Trần Bắc duy nhất bằng các phương tiện giao thông đường thủy để sang đảo Hòn Tranh.

Trong những đợt giao tranh với nghĩa quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh cùng tướng lĩnh và binh sĩ thường bôn tẩu ra đảo Phú Quý để trú ẩn, bên đảo Hòn Tranh còn lưu lại một số di tích liên quan đến Nguyễn Ánh và tùy tướng của Ông, trong đó có một giếng nước ngọt quanh năm mà người dân đảo quen gọi là giếng Gia Long.

Kiến trúc đền thờ Trần Bắc gồm: Cổng chính, Chính điện, nhà khói và lăng thờ thần Nam Hải. Tất cả các hạng mục tọa lạc trên một khu đất cao và xung quanh là vườn dừa

³⁴ Xem phụ lục Lễ hội Kỳ Công Chúa Bàn Tranh – Thầy Sài Nại, tr.PL7.

che chắn râm mát quanh năm. Hướng chính của đền nhìn về phía Tây Nam. Cách đền Trần Bắc khoảng 200m về hướng Đông Nam có giếng Gia Long, giếng sâu 7m, được xây bằng đá san hô. Giếng có nước quanh năm và rất ngọt, trong khi các giếng kề cạnh đó nước có vị lợ không uống được. Lâu nay, giếng Gia Long là nguồn cung cấp nước ngọt để uống và phục vụ sinh hoạt cho các doanh trại quân đội đóng tại đảo Hòn Tranh.

Cổng chính của đền Trần Bắc nằm về phía trước cách Chính điện 10m, cổng được kiến tạo đơn giản có một lối đi. Sau Cổng chính là Chính điện thờ Trần Bắc, trên đỉnh trang trí phù điêu long, phượng, giao long, cá hóa long...

Mặt tiền bố trí ba cửa ra vào, nội thất lắp ghép dạng kiến trúc tứ trụ ở giữa vươn lên nâng đỡ đỉnh nóc; liên kết các vì kèo, trính, con đội và thanh xiên ngang với các cột phụ xung quanh để tạo nên bộ khung. Con đội được tạo dáng bình hoa, ở dưới phình to và lên trên thu nhỏ dần. Hai đầu trính hướng ra phía trước cửa ra vào khắc chạm thành đầu rồng.

Trung tâm nội thất Chính điện đặt 3 khám thờ, khám giữa bằng gỗ có chữ “Thần”, thờ bài vị Trần Bắc, Chúa Ngọc Thiên Y Ana và ảnh thờ Trần Hưng Đạo; hai khám hai bên tả hữu thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền. Khám được trang trí các họa tiết lưỡng long tranh châu, tứ linh, chim phượng và câu đối.

Bên phải Chính điện, lùi về phía sau xây một lăng thờ thần Nam Hải, bên trong lưu giữ 72 bộ xương cá voi trôi dạt vào đảo Hòn Tranh từ trước đến nay.

Các vua triều Nguyễn đã phong tặng cho Bắc Quân Đô Đốc 3 sắc phong và chỉ dụ cho ba làng Hội An, Triều Dương, Mỹ Khê thờ phụng. Trong đó có một sắc phong của niên hiệu vua Đồng Khánh năm thứ 2 phong cho Bắc Quân Đô Đốc và Nam Hải Cự Tộc Ngọc lân tôn thần. Tất cả các sắc phong đều được lưu giữ tại vạn An Thạnh, đến ngày

cúng tế tại đền thờ Trần Bắc mới tổ chức đoàn rước sắc phong từ vạn An Thạnh sang đền Trần Bắc tế lễ và sau đó tổ chức rước trở về lại vạn để thờ phụng. Tại đền Trần Bắc hàng năm thực hiện hai kỳ tế lễ chính vào ngày 12 tháng 3 cúng Bà Chúa Ngọc Thiên Y Ana và ngày mùng 7 tháng 8 âm lịch cúng Ông Trần Bắc.

3.1.6. Tín ngưỡng Bạch Mã Thái Giám

Hình thức tín ngưỡng khá lạ so với tín ngưỡng của người Việt trong đất liền ở Bình Thuận mà người dân Phú Quý phụng thờ là Bạch Mã Thái Giám. Theo Kinh Đại bản như ý của Phật giáo cho biết Quan Thế Âm Bồ Tát có 8 hóa thân³⁵.

Theo Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (2018) thì:

Mã Đầu La Sát, tức là hóa thân của Bồ Tát Quan Âm, mình người đầu ngựa. Nét đặc biệt của Avalokitesvara hay Bồ Tát Quan Âm của Phật giáo Đại Thừa là không phân biệt giới tính vì ngài thần thông quảng đại có thể hóa ra nữ lẫn nam. Do đó, tín đồ Phật giáo thường gọi Vị Bồ Tát này là “Quan Âm Đại Sĩ” hay “Tiêu Diện Đại Sĩ” (một hóa thân của Quan Âm). Quan Âm thường là nữ, nhưng gọi là Sĩ tức nam. Hiểu theo dân gian tính chất trung tính này gọi là “Thái Giám”.

Tiền thân, trong đạo Bàlamôn cũng có một vị thần tên “Kalkyavatara” (hóa thân của thần Vishnu) mình người đầu ngựa. Trong truyện Tiền thân Đức Phật cũng có câu chuyện con ngựa Balaha. Chuyện này thuật lại huyền thoại 800 người lái buôn đường biển đi lạc đến hòn đảo nữ nhân ăn thịt người. Nhưng khi gặp các anh lái buôn này thì bọn ác nhân nọ lại buông tha và buộc phải kết hôn với họ. Bỗng một hôm các anh lái buôn này lại nhớ nhà

³⁵ 1. Viên Mãn Nguyên Minh Vương Bồ Tát; 2. Bạch Y Tự Tại Bồ Tát; 3. Tứ Diện Quan Âm; 4. Cát La Sát Nữ; 5. Tỳ - Câu - Chi; 6. Đại Thế Chí Bồ Tát; 7. Đà La Quan Âm (tức Chuẩn Đề Bồ Tát); 8. Mã Đầu La Sát.

và cầu nguyện Đức Phật cứu giúp họ. Đức Phật hóa ra con ngựa thần và bảo họ nắm vào cổ, vào bờm, vào lông, đuôi... Trước khi bay qua biển, Bồ Tát dặn họ không được luyến tiếc những lạc thú mà họ đã gặp ở đảo. Thế nhưng tất cả mọi người đều thương vợ thương con, quay lại nhìn và rơi tõm xuống biển. Chỉ có một người nhớ lời Bồ Tát dặn, làm chủ được mình, nên sống sót và về làm vua Ấn Độ. (Tr.133)

Do vậy, Mã Đầu La Sát hay Bạch Mã Thái Giám trở thành thần phù hộ giới thương buôn đường biển. Những thương buôn đường bộ trên đường tơ lụa cũng tôn thờ ngài. Bạch Mã Thái Giám là hóa thân của Bồ Tát và được nhà Nguyễn phong “Dương Uy Ngự Vũ Bảo Chương Kiện Thuận Hòa Nhu Hàm Quang Thượng Đẳng Thần”, Bạch Mã Thái Giám là vị thần của dân dã. Thần Bạch Mã trở thành thần tương tự với thần Thành Hoàng... thần Bạch Mã là thần của triều đình, vừa là thần của dân gian.

Tín ngưỡng Bạch Mã Thái Giám là dấu ấn đầu tiên của một dạng tín ngưỡng được đem từ miền Trung vào. Ở Phú Quý, đền thờ Bạch Mã ở làng Quý Thạnh và Phú An ở xã Ngũ Phụng và ở Long Hải thờ chung với Bà Chúa Ngọc có lẽ cũng do người dân Phú Quý mang từ cô hương vào khi đến tiếp quản và khai lập cuộc sống tại đảo Phú Quý.

Tại Quý Thạnh, tế lễ tại đền Thái Giám diễn ra hàng năm có khác về thời gian, nhưng trùng với hai kỳ tế lễ chính tại vịnh Quý Thạnh đó là vào tháng Giêng và tháng 10 âm lịch. Từ trước đến nay, giữa vịnh Quý Thạnh và đền thờ Thái Giám ở làng Quý Thạnh có mối quan hệ mật thiết và gắn kết chặt chẽ với nhau trong đời sống văn hóa tín ngưỡng tâm linh của nhân dân làng Quý Thạnh. Do đó, vịnh Quý Thạnh và đền thờ Thái Giám thực hiện chung nghi thức tế lễ xuân và thu hàng năm. Trong mỗi kỳ tế lễ dân làng phải tổ chức đoàn lễ có cờ, lọng, chiêng, trống, kiệu... để ra biển làm nghi thức nghinh đón thần

Nam Hải vào vạn nhập điện, dâng lễ vật tế Ông. Sau đó nghinh rước thần Nam Hải đến đền Thái Giám để dâng lễ và rước thần Thái Giám về lại vạn tiếp tục tế lễ.

Tại Phú Mỹ, đền Bạch Mã Thái Giám diễn ra hai kỳ tế lễ vào trung tuần của tháng Giêng và tháng 7 âm lịch. Trong cả hai kỳ tế lễ đều tổ chức đoàn rước sắc phong của Bạch Mã Thái Giám từ đình Phú Mỹ về đền cúng tế, sau đó tổ chức đoàn rước mang sắc phong về lại đình để thờ phụng. Đoàn rước gồm có cờ long, trống, chiêng, bát bửu, kiệu... thu hút đông đảo người dân đảo tham gia. Các bước thực hiện tế lễ và lễ vật dâng cúng về cơ bản cũng tương tự như các đền thờ, lăng vạn, đình làng khác tại đảo.

Còn ở Long Hải, Bạch Mã Thái Giám thường được cúng chung với Bà Chúa Ngọc và hai lần tế lễ xuân – thu nhị kỳ (Phụ lục: Hình 51).

Bạch Mã Thái Giám là vị thần phù hộ cho những thương buôn bằng đường biển. Tuy nhiên, tín ngưỡng Bạch Mã Thái Giám ở Phú Quý không chỉ có những thương nhân mà còn có cả ngư dân đi biển. Họ đến để cầu mong được sức khỏe và bình an trong công việc đi biển.

3.1.7. Tín ngưỡng thờ Mẫu và Nữ thần biển

3.1.7.1. Tín ngưỡng Bà Chúa Ngọc Thiên Y Ana

Thiên Y Ana Diên Ngọc Phi hay Chúa Ngọc Thánh Phi là vị nữ thần Pô Inur Nuga Mẹ Xứ Sở của người Chăm. Sau đó, người Việt ở miền Trung bị ảnh hưởng và biến thành tín ngưỡng Thiên Y Ana, mẹ xứ sở của người Việt. Đây là tín ngưỡng thờ Mẫu có rất sớm của người Việt tiếp thu trong quá trình Nam tiến.

Ở Phú Quý hiện có 3 ngôi đền thờ Bà Chúa Ngọc: đền thờ Bà Chúa Ngọc làng Thương Hải, đền thờ Bà Chúa Ngọc làng Hải Châu xã Ngũ Phụng và đền thờ Bà Chúa

Ngọc (còn gọi là miếu Cây Da) ở xã Long Hải. Ngoài ra, Bà Chúa Ngọc còn được thờ chung với Trần Bắc tại Miếu Trần Bắc ở Hòn Tranh (Phụ lục: Hình 52, 53).

Bà Chúa Ngọc được sắc phong Hoằng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy Dực bảo Trung hưng Thiên Y Ana Diễn Ngọc phi Thượng đẳng thần.

Ở Phú Quý Miếu bà Chúa Ngọc chỉ thờ Bà chứ không thờ hai cậu, theo nhận định của chúng tôi thì do tín ngưỡng Thần Nam Hải quá đậm nét nên đã lấn át tín ngưỡng thờ Bà chúa Ngọc, tín ngưỡng này được phối thờ chung với Ông Nam Hải và các sự tích nguyên mẫu đã không còn nhiều người dân lưu tâm đến.

Hằng năm tại miếu Bà Chúa Ngọc ở Phú Quý thường diễn ra 2 kỳ lễ hội vào mùa xuân, mùa thu, và ngày cúng Bà riêng của từng miếu³⁶. Các miếu nằm chung trong khuôn viên với vạn Ông Nam Hải thường diễn ra lễ hội tế xuân và tế thu chung ngày. Lễ hội văn hóa dân gian tại đền thờ Bà Chúa Ngọc và vạn cũng là dịp để những người dân trong làng và các làng lân cận được hội ngộ, gặp gỡ, vui vầy bên nhau sau những tháng ngày dài lao động cực nhọc, nặng nề trên biển. Mọi người cùng trao đổi và truyền đạt những kinh nghiệm làm ăn trong ngư nghiệp lẫn nông nghiệp, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và làm ăn, tình làng nghĩa xóm và tính cộng đồng ngày càng được thắt chặt và gắn gũi hơn.

3.1.7.2. Tín ngưỡng thờ Chúa Ngung Man Nương

Chúa Ngung Man Nương thuộc hệ thống Mẫu thần ở Nam Bộ, là “bà mẹ” của xứ sở (Bà Chúa Xứ, Chúa Xứ Nương Nương, Chúa Xứ Thánh Mẫu) cai quản, bảo an, phù hộ cho người dân ở vùng đất ấy (Trần Hạnh Minh Phương, 2017, tr. 28). Theo tác giả Phan Thị Yến Tuyết, biểu tượng Bà Chúa Xứ tại Nam Bộ có nguồn gốc sâu xa từ *nữ thần*

³⁶ Xem phụ lục Lễ hội miếu Bà Chúa Ngọc, tr.PL17.

Kali/Uma trong tín ngưỡng của người Chăm. Theo thần tích, nữ thần là vợ của thần Siva, có ngoại hình dữ tợn, làn da đen, đeo vòng chuỗi làm từ những đầu lâu, có khả năng tiêu trừ quỷ dữ bằng *vũ điệu hủy diệt* của bà. Người Chăm suy tôn bà là Po Inur Nugar – Mẹ Xứ Sở với thần năng cai quản đất đai, bảo vệ con người khỏi tà ma, quỷ dữ. Tín niệm Mẹ Xứ Sở của người Chăm đã hòa vào tâm thức thờ Mẫu của người Việt dẫn đến sự xuất hiện của tín ngưỡng Bà Thiên Y Ana ở vùng biển Nam Trung Bộ. Biểu tượng Thiên Y Ana tiếp tục biến đổi thành Bà Chúa Tiên (ở điện Hòn Chén – Huế), Bà Chúa Ngọc (từ Khánh Hòa đến Nam Bộ) và trở thành Bà Chúa Xứ tại Nam Bộ. (Phan Thị Yến Tuyết, 2017, tr. 4-16). Như vậy, Chúa Ngung Man Nương là một dạng thức Mẹ Xứ Sở và có cùng nguồn gốc với Bà Thiên Y Ana. Qua khảo sát thực địa, chúng tôi nhận thấy biểu tượng Chúa Ngung Man Nương thường được thờ trong am thờ nhỏ trong khuôn viên các lăng vạ, với niềm tin là “Bà Chủ Đất” xưa. Chúa Ngung Man Nương Thuận Thành trấn (thần đất trấn Thuận Thành) được mời gọi trong bài văn “tế Thành Hoàng xuân thủ vãn”. Đặc biệt, tại vạ Thương Hải và vạ Tân Lập, người dân phối thờ Chúa Ngọc Nương Nương trong lăng Ông, đồng thời cũng lập am thờ Chúa Ngung (mặc dù cùng nguồn gốc với Bà Chúa Ngọc) trong khuôn viên (Phụ lục: Hình 54, 55). Có lẽ do quá trình biến đổi tín ngưỡng lâu dài nên tri thức về nguồn gốc của Chúa Ngung Man Nương, Chúa Ngọc Nương Nương đã phai nhạt dần tại đảo Phú Quý.

3.1.7.3. Tín ngưỡng thờ các Mẫu thần biển khác

❖ **Thủy Long Thánh Mẫu:** Dân biển quan niệm bà Thủy Long vừa thiện vừa ác, biểu hiện là vừa hộ mạng cho ngư dân với tư cách là Thủy Long Thần nữ, vừa bắt mạng người khi hiện thân là Bà Ma Da, Hà Bá. Ở Phú Quý, Bà Thủy Long không có miếu thờ

riêng mà được phối thờ trong các lăng vạn với Ông Nam Hải, bàn thờ Bà được đặt bên phải chính điện tính từ bàn thờ Thần (Phụ lục: Hình 56). Bà Thủy Long là vị thần rất quan trọng đối với ngư dân, hầu như các vạn ở Phú Quý đều thờ Bà. Vào các dịp cúng Vạn, ngư dân thường dâng các loại bánh trái, hoa quả, rượu trà... cúng chung như dịp tế xuân, tế thu, lễ Cầu Ngư...

❖ **Bà Giàng:** Tín ngưỡng thờ bà Giàng/ Vàng cũng được người Việt ở Phú Quý tôn thờ. Bà được tôn một ngôi miếu nhỏ, đơn sơ nằm cạnh bờ biển ở làng Hải Châu – xã Ngũ Phụng. Miếu thờ Bà Giàng theo truyền thuyết Bà Giàng – Ông Đụn. Bà Giàng và Ông Đụn là hai vợ chồng già không có con cái. Tương truyền Bà Giàng là người lên đồng gặp Thầy Sài Nại, giúp dân chống giặc Tàu Ô vào thế kỷ XVIII – XIX nạn hải tặc từ vùng Java (Indonesia) hoành hành trên các đảo nhỏ và các vùng ven biển Việt Nam. Cướp biển đi trên những chiếc tàu sơn màu đen nên được gọi là giặc Tàu Ô. Ngôi miếu nhỏ được xây bằng xi măng, xung quanh có nhiều đá quánh được sơn trắng (Phụ lục: Hình 57).

Theo một số người dân địa phương thì bà Giàng rất linh thiêng, mọi người thường hay đến miếu để cầu xin bà phù hộ trong quá trình đi biển được thuận lợi.

3.1.8. Tín ngưỡng cúng Cô Bác

Bên cạnh vạn Liên Thành – xã Long Hải có một ngôi miếu được xây dựng hướng ra biển gọi là Miếu Chúa Thanh (Phụ lục: Hình 58), miếu thờ Cô Bác vào dịp Thanh Minh, Cô Bác ở đây vừa là những vong hồn không có thân nhân đã chết tại đảo và chết ngoài biển. Người Việt ở Phú Quý không gọi là cúng cô hồn mà gọi là cúng Cô Bác mang ý nghĩa tôn trọng. Bên trong miếu phân bố 3 bàn thờ, trên bàn có đặt cái chuông để gõ gọi mời cô bác về dự lễ khi cúng.

Tại miếu Thanh Minh, người dân thường cúng vào đầu tháng 3 âm lịch, luân phiên, một năm tế chay một năm tế mặn.

Cô Bác là những người chết không tìm thấy xác, chết tức tưởi, oan khuất, không biết vì sao mình chết nên linh hồn không tan và luôn quanh quẩn trên dương thế. Họ không có nhà để về, không có nơi để ở, không có ăn, không có mặc. Người dân tin rằng những người chết trên biển là những người chết “bất đắc kỳ tử” nên rất linh thiêng. Tuy không có uy lực như thần linh khác nhưng Cô Bác cũng có khả năng làm cho cuộc sống của con người trở nên thuận lợi hoặc khó khăn hơn tùy vào cách ứng xử của người sống với Cô Bác. Hay quan niệm nếu không thờ cúng cẩn thận, tôn kính thì Cô Bác có thể “dẫn” người sống theo trong khi lao động trên biển.

Khi các phương tiện đánh bắt trên biển còn thô sơ, những rủi ro, hiểm nguy là điều không tránh khỏi, nhiều người chết trên biển mà không thể tìm thấy xác. Việc thờ người chết trên biển vì tin rằng họ cũng có năng lực quyền uy chi phối đáng kể đến đời sống tâm linh của những người hành nghề biển.

Ở Phú Quý, Cô Bác còn được thờ cúng chung tại các vạn, đình miếu tại các bực thờ phía trước chánh điện (Phụ lục: Hình 59). Có Cô Bác bên trong và Cô Bác bên ngoài. Mỗi lần lễ hội của các vạn, đình, miếu thì cúng chung.

Ngoài ra, người Việt ở Phú Quý còn cúng Cô Bác tại các bến ghe tàu và bãi biển. Vào các ngày 14, 15, 16 âm lịch hoặc mùng 1, mùng 2 âm lịch, nhiều gia đình mang đồ cúng ra bãi biển – nơi mà ghe nhà mình thường neo đậu để cúng³⁷. Khi sơn sửa ghe xong,

³⁷ Xem BBPV số 10, chi X, 30 tuổi, 2019.

chủ ghe vừa cúng ghe đồng thời cũng cúng Cô Bác với mong muốn, Cô bác phù hộ cho mùa đi biển được dễ dàng thuận tiện. “Ngoài biển có lệnh Ông ủng hộ

Trong bờ có Cô Bác phò trì”

Lễ vật cúng Cô bác gồm: 2 tầng, tầng trên và tầng dưới

Trên bệ cúng cao hơn có: 1 chén cháo, 1 đĩa trái cây, 2 ly nước lọc, 1 bát nhang (dùng chung cho 2 bậc cúng)

Mâm sát đất gồm: 1 chén gạo, 1 chén muối, 1 ít bánh snack, vài khúc mía, 2 ly nước lọc, 4 chén không, đặt xung quanh một tô cháo lớn, giấy tiền vàng mã.

Cúng Cô Bác còn diễn ra trong chùa vào các ngày rằm lớn như Rằm tháng 7 âm lịch, chùa thường tổ chức cúng cầu siêu cho các vong linh mất trong quá trình đi biển cũng như những Cô Bác không có nhà cửa (Phụ lục: Hình 60).

Việc cúng Cô Bác thể hiện tinh thần sẻ chia, tính cộng đồng, sự đùm bọc, cảm thông giữa những người sống và người kém may mắn hơn (là người chết). Họ không phải là những vị thần nhưng cũng là những người con của đảo, đáng quý trọng, đáng được hưởng cuộc sống như bao người khác nhưng không may họ phải mất do những thiên tai trên biển.

3.2. Tôn giáo và các lễ hội tôn giáo

Tuy Phú Quý là một đảo nhỏ, có vị trí xa xôi cách trở so với đất liền nhưng niềm tin tôn giáo vẫn lan truyền và phát triển mạnh mẽ ở đây. Hiện nay, đảo Phú Quý có 4 tôn giáo đang được phép hoạt động gồm: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài và Tin Lành; có 10 cơ sở thờ tự tôn giáo; số chức sắc: 04 (02 Đại đức, 01 Linh mục và 01 Mục sư).